

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**(Cấp điều chỉnh lần 2)**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20 tháng 02 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp cho cơ sở “Nhà máy sản xuất ổ bi tròn, công suất 15.720 tấn sản phẩm/năm (trong đó: vòng trong của ổ bi tròn ISO có công đoạn xi mạ 1.250 tấn sản phẩm và không nhận gia công xi mạ cho đơn vị ngoài; sản phẩm có công đoạn sơn là 400 tấn sản phẩm/năm) và sản xuất ổ bi đĩa (không có công đoạn xi mạ), công suất 2.146 tấn sản phẩm/năm” tại lô 516, đường 13, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam;*

*Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 04-2024/SCL đề ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20/02/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp cho Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam, địa chỉ tại lô 516, đường 13, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20/02/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp.

**Điều 2.** Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20/02/2023; Giấy phép môi trường cấp điều chỉnh lần 1 số 171/GPMT-KCNĐN ngày 19/12/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20/02/2023 hết hiệu lực./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện thành phố Biên Hòa;
- Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa;
- Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (Tuyet)

**TRƯỞNG BAN****Nguyễn Trí Phương**

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp)*

**1. Điều chỉnh khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Mục 1.1, Phần A, Phụ lục 4):**

- Bổ sung chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát là pin mặt trời thải, mã chất thải: 19 02 08 với khối lượng phát sinh dự kiến khoảng 350 kg/năm.

- Điều chỉnh tăng khối lượng giẻ lau, bao tay thải (số thứ tự: 5); mã chất thải: 18 02 01 với khối lượng từ 111.886 kg/năm lên 111.936 kg/năm.

- Bổ sung khối lượng bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện (số thứ tự: 14); mã chất thải: 05 11 02 với khối lượng từ 0 kg/năm lên 18.166 kg/năm.

- Điều chỉnh tăng tổng khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát từ 1.349.469 kg/năm lên 1.368.035 kg/năm.

\* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát sau khi điều chỉnh như sau:

<b>S T T</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>
1	Bột mài thải	Bùn	07 03 10	532.157	KS
2	Hóa chất thải	Rắn/Lỏng	19 05 03	125.003	KS
3	Nước thải (nhũ tương và dung dịch thải chứa halogen)	Lỏng	07 03 04	42.033	NH
4	Bóng đèn thải	Rắn	16 01 06	74	NH
5	Giẻ lau, bao tay thải	Rắn	18 02 01	111.936	KS
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	100.361	KS
7	Bùn thải từ thiết bị tách dầu nước	Bùn	17 05 02	320.939	NH
8	Bùn thải từ xử lý hóa lý	Bùn	12 02 02	48.138	KS
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	3.476	KS
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	15.208	KS
11	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	07 03 11	15.869	KS
12	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	25.279	NH
13	Axit thải	Lỏng	07 01 01	7.807	NH
14	Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện	Rắn	05 11 02	18.166	KS
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	110	NH

<b>S T T</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/ bùn)</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>
16	Chất thải y tế	Rắn/lỏng	13 01 01	97	NH
17	Huyền phù nước thải lẫn sơn (loại có dung môi hữu cơ) từ buồng sơn màng nước	Lỏng	08 01 04	30	KS
18	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	12	NH
19	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải- bao nilon/bao giấy nhiễm dầu	Rắn	18 01 01	50	KS
20	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải-Thùng phuy	Rắn	18 01 02	100	KS
21	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải-thùng, phuy, can nhựa	Rắn	18 01 03	30	KS
22	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	300	KS
23	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10	NH
24	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	500	NH
25	Pin mặt trời thải	Rắn	19 02 08	350	KS
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>1.368.035</b>	

## **2. Điều chỉnh nội dung các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường (Phụ lục 5):**

Đối với nội dung đề nghị lắp đặt bổ sung hệ thống năng lượng mặt trời mái nhà với công suất thiết kế 2.120,8 KWp, số lượng tấm pin lắp đặt là 3.856 tấm, mục đích tự sản tự tiêu, yêu cầu Công ty TNHH Schaeffler Việt Nam căn cứ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định liên quan để thực hiện, tự đánh giá tác động đến môi trường, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thay đổi không liên quan đến quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, các nguồn thải và thông số ô nhiễm phát sinh so với giấy phép môi trường đã được cấp; Tuân thủ đúng các quy định của Luật Hóa chất, Luật Điện lực, các quy định của ngành công thương và quy định khác có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, vận hành hệ thống điện mặt trời.

**3. Các nội dung khác:**

Không thay đổi so với Giấy phép môi trường số 20/GPMT-KCNĐN ngày 20/02/2023 và Giấy phép môi trường cấp điều chỉnh lần 1 số 171/GPMT-KCNĐN ngày 19/12/2023 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**